

Số:10/2024/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu; 2. Ông Lê Văn Ninh.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 243, 244 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 401, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS¹ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1977 và ông Đoàn Đại D, sinh năm 1968; Điều cư trú tại: Số nhà A, dãy A3 ngõ H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. (Bà V, ông D là vợ chồng). Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông D: Bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Phùng Văn B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số A, tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 8, phường Q, thành phố T; tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bộ là bà Dương Thị V, sinh năm 1988.
Trú quán: Tổ 2, phường Hoàng Văn T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Phía bị đơn ông Phùng Văn B có trách nhiệm thanh toán trả nợ toàn bộ các khoản vay là **800.000.000đ** (*Tám trăm triệu đồng*) cho ông Đoàn Đại D và bà Đỗ Thị Thuý V, theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 15/10/2012 và giấy vay tiền đề ngày 19/10/2012. Ngoài ra các bên không còn nợ nhau khoản vay nào khác.

Ông Phùng Văn B đã thanh toán trả xong cho ông Đoàn Đại D và bà Đỗ Thị Thuý V là **200.000.000đ** (*hai trăm triệu đồng*).

Tổng số tiền còn lại là **600.000.000đ** (*Sáu trăm triệu đồng*) ông Phùng Văn B sẽ có trách nhiệm nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Đại D và bà Đỗ Thị Thuý V mỗi tháng **50.000.000đ** vào ngày cuối cùng hàng tháng, bắt đầu vào tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là bà Trần Thị Bích H.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Đoàn Đại D và bà Đỗ Thị Thuý V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phùng Văn B không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: - Bị đơn ông Phùng Văn B tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là **10.400.000đ** (*mười triệu bốn trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Thuý V và ông Đoàn Đại D tạm ứng án phí đã nộp là **56.119.000đ** (*Năm mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001035 ngày 16/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

VŨ DUY CHINH

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIẾN TOÀ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Số:02/2022/QĐST-DS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 01 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Duy Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-DS¹ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Hòa, sinh năm 1958.

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Nguyệt, sinh năm 1962;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Hảo, sinh năm 1983.

Đều trú quán: Tổ 2 (Tổ 5 cũ), phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hòa là ông Ngụy Thành Thắng, Luật sư Công ty luật Phúc Lâm, đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

(Các đương sự và luật sư đều có mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm Văn Hòa xác định diện tích đất tranh chấp mà bà Đoàn Thị Nguyệt được cấp quyền sử dụng tại thửa ruộng số thửa 399, tờ bản đồ số 15, diện tích 823,2m² (*diện tích đất ruộng đã được bồi thường*) và diện tích đất tại thửa số 338, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m² đất ODT và 1.125,7m² đất CLN, Giấy chứng nhận QSD đất đều mang tên bà Đoàn Thị Nguyệt, vị trí đất tại tổ 2 (tổ 5 cũ), phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là quyền sử dụng hợp pháp của bà Đoàn Thị Nguyệt.

Bà Đoàn Thị Nguyệt có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn Hòa số tiền là **400.000.000đ** (*bốn trăm triệu đồng*). Bà Nguyệt đã thanh toán xong số tiền **400.000.000đ** (*bốn trăm triệu đồng*) cho ông Phạm Văn Hòa.

Ông Hòa nhận chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng.

- Về chi phí tố tụng: Ông Hòa phải chịu chi phí đo vẽ và định giá tài sản số tiền là **11.000.000đ** (*mười một triệu đồng*) đã thanh toán xong theo quy định.

- Về án phí: Ông Hòa là người già và có đơn xin miễn án phí theo quy định và được hoàn trả **14.000.000đ** (*mười bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003926 ngày 25/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

VŨ DUY CHINH

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- L- u hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:.../.../TLST-....⁽³⁾ ngày...tháng... năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: **56/2017/QĐST-KDTM**).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số **50/2017/TLST-KDTM**).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thỏa thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hòa giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)